

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP CÔNG TÁC
PHÓ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

TÓM TẮT

Số: 37

Ngày 25/9/2017

Bản tin hàng tuần
Ra ngày thứ hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- 1. Dùng chữ “Viet” hoặc “Vietnam” để đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm Việt Nam tại nước ngoài.*
- 2. Từ ngày 01/11/2017 cấm bán rượu cho người dưới 18 tuổi.*
- 3. Siết chặt quản lý về sản xuất, kinh doanh thuốc lá.*
- 4. Mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai;*

khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều.

5. Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật Hình sự.

6. Cục Tần số vô tuyến điện được áp dụng cơ chế tự chủ tài chính.

7. Dự án điện mặt trời được phép bán giá 2.086 đồng/kWh.

CÓ THỂ BẠN CHƯA BIẾT

Dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- 1. Các thiệt hại Nhà nước không bồi thường trong trách nhiệm bồi thường nhà nước?*
- 2. Quyền của người thi hành công vụ gây thiệt hại?*
- 3. Nghĩa vụ của người thi hành công vụ gây thiệt hại?*
- 4. Phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính?*

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. DÙNG CHỮ “VIET” HOẶC “VIETNAM” ĐỂ ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU CHO SẢN PHẨM VIỆT NAM TẠI NƯỚC NGOÀI

Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ cấp phép sử dụng chữ “Việt” hoặc “Việt Nam”, chữ tiếng Anh tương ứng “Viet” hoặc “Vietnam” để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ quốc gia của Việt Nam tại nước ngoài. Nội dung này được Chính phủ quy định tại Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 13/9/2017 về cấp phép sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý thuộc phạm vi quốc gia.

Theo đó, từ ngày 13/9/2017 sẽ cấp phép trước cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận đối với sản phẩm gạo của Việt Nam tại nước ngoài. Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về việc sử dụng tên quốc gia, bao gồm dạng đầy đủ, dạng rút ngắn, các chữ tiếng Anh tương ứng và các dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý thuộc phạm vi quốc gia trong việc đăng ký chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu (nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể) cho các sản phẩm, dịch vụ tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. TỪ NGÀY 01/11/2017 CẤM BÁN RƯỢU CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

Nghiêm cấm bán rượu cho người dưới 18 tuổi, bán rượu có nồng độ cồn từ 15 độ trở lên qua mạng Internet, bán rượu bằng máy bán hàng tự động; quảng cáo, khuyến mại rượu... Đây là nội dung được Chính phủ quy định tại Nghị định số 105/NĐ-CP ngày 14/9/2017 về kinh doanh rượu.

Theo đó, kinh doanh rượu thuộc danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu công nghiệp, sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, phân phối, bán buôn, bán lẻ rượu hoặc bán tại chỗ phải có giấy phép theo quy định sau: Bộ Công thương cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên và cấp Giấy phép phân phối rượu; Sở Công thương cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô dưới 3 triệu lít/năm và Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, Giấy phép bán lẻ rượu và Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp để chế biến lại phải đăng ký với UBND cấp xã.

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Về chất lượng và an toàn thực phẩm, Nghị định quy định: Rượu đã có quy chuẩn kỹ thuật phải được công bố hợp quy và đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường; rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước và rượu nhập khẩu phải được dán tem và ghi nhãn hàng hóa theo quy định, trừ trường hợp rượu được sản xuất thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp để chế biến lại; rượu bán thành phẩm nhập khẩu không phải dán tem.

Ngoài ra Nghị định còn quy định cụ thể về điều kiện kinh doanh rượu, quyền và nghĩa vụ cụ thể của tổ chức, cá nhân kinh doanh rượu, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh rượu, nhập khẩu rượu...

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2017; thay thế Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012.

3. SIẾT CHẶT QUẢN LÝ VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỐC LÁ

Ngày 14/9/2017 Chính phủ ban hành Nghị định số 106/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

Theo đó, kinh doanh thuốc lá là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Đối tượng kinh doanh thuốc

lá gồm: Thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá; thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá và thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá phải có giấy phép theo quy định.

Thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá được mua sản phẩm thuốc lá từ các nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác để bán cho các thương nhân mua bán sản phẩm thuốc lá hoặc bán tại các điểm bán lẻ của thương nhân trên phạm vi địa bàn được cấp phép. Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá được mua sản phẩm thuốc lá từ thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá để bán tại các địa điểm được cấp phép.

Nghị định bãi bỏ một số điều kiện cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá và cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, bỏ yêu cầu về phương tiện vận tải; điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, bỏ yêu cầu diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải từ 03m² trở lên ...

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2017.

4. MỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG , CHỐNG THIÊN TAI; KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, ĐỀ ĐIỀU

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Ngày 14/9/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều.

Theo đó, mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực này phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra...Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống thiên tai là 50 triệu đồng; mức phạt tiền tối đa với mỗi hành vi vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều là 100 triệu đồng.

Mức phạt tiền cụ thể như sau: Phạt từ 3 - 5 triệu đồng đối với hành vi cản trở sự vận hành của công trình phòng, chống thiên tai; từ 6 - 8 triệu đồng đối với hành vi neo đậu không đúng nơi quy định của tàu thuyền và các phương tiện khác vào công trình phòng, chống thiên tai; từ 8 - 15 triệu đồng đối với hành vi cố ý sử dụng sai mục đích của công trình phòng, chống thiên tai; từ 15 - 25 triệu đồng đối với các hành vi: lấn chiếm bãi sông, lòng sông làm tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục; khai thác trái phép cát, sỏi, khoáng

sản làm tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục; từ 25 - 40 triệu đồng đối với hành vi làm hư hại công trình phục vụ phòng, chống thiên tai; từ 15 -25 triệu đồng đối với hành vi cố ý giấu hoặc cung cấp thông tin sai lệch về vị trí, tình trạng của phương tiện tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, trên sông, hồ cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng khi có thiên tai; từ 15-30 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc thực hiện đầu tư mới hoặc nâng cấp khu đô thị, điểm dân cư nông thôn và công trình hạ tầng kỹ thuật; phạt tối đa không quá 50 triệu đồng đối với hành vi đóng thiếu quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm theo quy định; phạt từ 30-60 triệu đồng đối với hành vi xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc diện phải xin phép mà không có giấy phép với lưu lượng từ 0.5m³/ngày đêm đến dưới 100m³/ngày đêm; từ 60-80 triệu đồng đối với hành vi xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc diện phải xin phép mà không có giấy phép với lưu lượng từ 500m³/ngày đêm trở lên; phạt từ 50-70 triệu đồng đối với hành vi vận hành hồ chứa thủy lợi không đúng quy trình vận hành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt...

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2017, thay thế Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013.

5. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Ngày 13/9/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1359/QĐ-TTg về Kế hoạch triển khai thi hành Bộ Luật Hình sự năm 2015 nhằm xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm cũng như cơ chế phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các cấp và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Bộ Luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

Theo đó, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân tiến hành rà soát các vụ án hình sự cơ quan, đơn vị mình đang thụ lý để xem xét, khởi tố, điều tra mà bị can thuộc diện không bị xử lý hình sự theo quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 và đình chỉ điều tra đối với bị can đó. Chỉ đạo, hướng dẫn các trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân phối hợp với Tòa án có thẩm quyền rà soát các đối tượng người bị kết án thuộc diện được chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân theo Nghị quyết 41/2017/QH14 mà cơ quan, đơn vị mình đang quản lý để lập hồ sơ trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân; rà soát các đối tượng người bị kết án thuộc diện được miễn chấp hành hình phạt theo Nghị

quyết 41/2017/QH14 mà cơ quan, đơn vị mình đang quản lý và làm thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền miễn chấp hành hình phạt cho họ đồng thời gửi danh sách các đối tượng này cho Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia để cập nhật thông tin, xóa án tích đương nhiên vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án đó. Bộ Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thi hành án dân sự tiến hành rà soát các đối tượng người bị kết án phạt tiền thuộc diện được miễn chấp hành hình phạt theo quy định của Nghị quyết 41/2017/QH14 và làm thủ tục đề nghị Tòa án có thẩm quyền miễn chấp hành hình phạt cho họ; chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, các Sở Tư pháp tiến hành rà soát các đối tượng người bị kết án thuộc diện đương nhiên được xóa án tích và cập nhật thông tin vào lý lịch tư pháp của người đó và cấp Phiếu lý lịch tư pháp ghi “không có án tích” cho họ khi có yêu cầu. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo, hướng dẫn các Viện kiểm sát và cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương tiến hành rà soát các vụ án hình sự do cơ quan, đơn vị mình đang thụ lý, điều tra, truy tố mà bị can thuộc diện không bị xử lý hình sự theo Nghị quyết 41/2017/QH14 và đình chỉ vụ án đối với bị can đó. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn các tòa án nhân dân, tòa án quân sự các cấp, các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao tiến hành rà soát các vụ án hình sự mà đơn vị mình đang thụ lý, giải quyết; nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 thì

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

tiếp tục thực hiện việc chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân, miễn chấp hành hình phạt còn lại hoặc miễn chấp hành toàn bộ hình phạt, đình chỉ vụ án theo khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14...

Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch theo đúng tiến độ và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch này.

6. CỤC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐƯỢC ÁP DỤNG CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH

Ngày 15/9/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 40/QĐ-TTg về việc áp dụng cơ chế tài chính đối với Cục Tàn số vô tuyến điện.

Theo đó, Cục Tàn số vô tuyến điện được thực hiện cơ chế tự chủ tài

chính như đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Cục Tàn số vô tuyến điện được sử dụng nguồn thu phí được để lại để chi cho các hoạt động của Cục, trong đó có: chi đầu tư; chi mua sắm; sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị; chi bổ sung thu nhập cho người lao động; chi các nhiệm vụ đặc thù theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Tàn số vô tuyến điện.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017, thay thế Quyết định số 88/2018/QĐ-TTg ngày 04/7/2008.

VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI ĐƯỢC PHÉP BÁN GIÁ 2.086 ĐỒNG/KWH

Ngày 12/9/2017, Bộ Công thương ban hành Thông tư số 16/2017/TT-BCT quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện

mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời.

Theo đó, các dự án điện mặt trời được hưởng cơ chế giá bán điện tại điểm giao nhận điện là 2.086 đồng/kWh (tương đương với 9,35

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Uscents/kWh, theo tỷ giá trung tâm của đồng VNĐ/USD). Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ dự án điện mặt trời nổi lưới có ngày vận hành thương mại trước 30/6/2019 theo Hợp đồng mua bán điện mẫu được áp dụng 20 năm.

Các dự án điện mặt trời trên mái nhà được thực hiện cơ chế bù trừ điện năng (net – metering) sử dụng hệ thống công tơ hai chiều. Trong một chu kỳ thanh toán, nếu lượng điện phát ra từ các dự án điện mặt trời trên mái nhà lớn hơn lượng điện tiêu thụ sẽ được chuyển sang chu kỳ thanh toán kế tiếp. Khi kết thúc năm hoặc khi kết thúc hợp đồng mua bán điện, lượng điện phát dư sẽ được bán cho bên mua điện với giá 2.086 đồng/kWh. Giá điện cho năm tiếp theo được điều chỉnh theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày làm việc cuối cùng của năm trước.

Dự án điện mặt trời được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất... theo

quy định hiện hành. Chi phí mua điện từ các dự án điện mặt trời trên mái nhà được tính toán đầy đủ trong thông số đầu vào của phương án giá bán điện hàng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Quy định về thuế, phí của các dự án điện mặt trời trên mái nhà theo cơ chế bù trừ điện năng được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo có trách nhiệm hỗ trợ bên mua điện và bên bán điện giải quyết vướng mắc trong hợp đồng mua bán điện mẫu theo đề nghị của một hoặc các bên; phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc đầu tư phát triển các dự án điện mặt trời tại địa phương theo quy hoạch phát triển điện mặt trời tỉnh và quốc gia được phê duyệt, phù hợp với các quy định tại Thông tư này.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ 26/10/2017.

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN ĐƯỢC HÌNH THÀNH THÔNG QUA VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước đang
Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

được Bộ Tài chính tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Theo đó, mọi tài sản trang bị đều phải được Nhà nước giao quyền

Số 37 ngày 25/9/2017 trang 7/12

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

quản lý, quyền sử dụng và các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác theo quy định. Tài sản trang bị phải được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị. Việc quản lý, sử dụng tài sản trang bị phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng và phải được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Tài sản được trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ được xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau: giao quyền sở hữu tài sản cho tổ chức chủ trì đối với trường hợp tổ chức chủ trì là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; bán trực tiếp đối với trường hợp tổ chức chủ trì là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đề nghị mua tài sản; giao quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì đối với trường hợp tổ chức chủ trì đủ điều kiện là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ; bán trực tiếp đối với trường hợp tổ chức chủ trì là Doanh nghiệp khoa học và công nghệ đề nghị mua, bán trực tiếp cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ; xử lý khác (điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy) đối với các trường hợp không thuộc các quy định trên.

Khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hết thời hạn thực hiện theo Hợp đồng hoặc có quyết định chấm dứt thực hiện, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm bảo quản tài sản và hồ sơ của tài sản cho đến khi hoàn thành việc xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Chậm nhất là 60 ngày trước ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ hết thời hạn thực hiện theo Hợp đồng hoặc trong vòng 60 ngày kể từ ngày có quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải hoàn thành việc kiểm kê tài sản tại thời điểm kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp phát hiện thừa, thiếu tài sản phải ghi rõ trong Biên bản kiểm kê tài sản, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất biện pháp xử lý theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ không nhận hoặc không mua thì cơ quan nhà nước quản lý có nhiệm vụ báo cáo cấp có thẩm quyền để có văn bản lấy ý kiến Bộ Tài chính đề xuất phương án xử lý theo một trong các hình thức: bán, điều chuyển, thanh lý theo quy định. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa hết thời hạn thực hiện theo Hợp đồng nhưng có tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng được, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải kiểm kê, đề xuất phương án xử lý trình cấp có thẩm quyền quy định.

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, xử lý tài sản được trang bị của các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử

dụng tài sản được trang bị; thực hiện kế toán, kiểm kê, báo cáo tài sản theo quy định về kế toán và lập phương án xử lý tài sản ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1.Hỏi: Các thiệt hại Nhà nước không bồi thường trong trách nhiệm bồi thường nhà nước?

***Trả lời:** Điều 32 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước số 10/2017/QH14 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày 01/7/2018 quy định Nhà nước không bồi thường các thiệt hại sau đây:

a) Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại;

b) Thiệt hại xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù người thi hành công vụ đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép;

c) Thiệt hại xảy ra trong hoàn cảnh người thi hành công vụ muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa trực tiếp lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải có hành động gây ra một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn chặn, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 23 của Luật này.

2. Ngoài các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều này, trong hoạt động tố

tụng hình sự, Nhà nước không bồi thường các thiệt hại sau đây:

a) Thiệt hại xảy ra trong trường hợp người bị truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự;

b) Thiệt hại xảy ra do người bị thiệt hại khai báo gian dối hoặc cung cấp tài liệu, vật chứng sai sự thật để nhận tội thay cho người khác hoặc để che giấu tội phạm;

c) Thiệt hại xảy ra do người có hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu rõ ràng cấu thành tội phạm, bị khởi tố, truy tố trong vụ án hình sự được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại nhưng vụ án đã được đình chỉ do người bị hại đã rút yêu cầu khởi tố;

d) Thiệt hại xảy ra do người bị khởi tố, truy tố, xét xử đúng với các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm khởi tố, truy tố, xét xử nhưng tại thời điểm ra bản án, quyết định thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự theo các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành và có hiệu lực sau ngày khởi tố, truy tố, xét xử.

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

3. Ngoài các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều này, trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, Nhà nước không bồi thường thiệt hại xảy ra khi người thi hành công vụ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo đúng yêu cầu của người yêu cầu mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc cho người thứ ba. Người yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

4. Ngoài các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều này, trong hoạt động thi hành án dân sự, Nhà nước không bồi thường thiệt hại xảy ra khi người thi hành công vụ áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo đúng yêu cầu của đương sự mà gây thiệt hại. Người yêu cầu chấp hành viên áp dụng biện pháp bảo đảm không đúng mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Hỏi: *Quyền của người thi hành công vụ gây thiệt hại?*

***Trả lời:** Khoản 1 Điều 14 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước số 10/2017/QH14 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày 01/7/2018 quy định quyền của người thi hành công vụ gây thiệt hại sau đây:
a) Được nhận văn bản, quyết định về việc giải quyết yêu cầu bồi thường

liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật này;

b) Tố cáo hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền trong việc giải quyết yêu cầu bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật về tố cáo; khiếu nại, khởi kiện quyết định hoàn trả và kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật về khiếu nại, pháp luật về tố tụng hành chính;

c) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Hỏi: *Nghĩa vụ của người thi hành công vụ gây thiệt hại?*

***Trả lời:** Khoản 2 Điều 14 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước số 10/2017/QH14 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày 01/7/2018 quy định nghĩa vụ của người thi hành công vụ gây thiệt hại sau đây:

a) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp thông tin, tài liệu của mình;

b) Tham gia đầy đủ vào quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường và quá trình xác định trách nhiệm hoàn trả theo yêu cầu của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại;

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

c) Hoàn trả cho ngân sách nhà nước một khoản tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại theo quyết định của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại;

d) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Hỏi: *Phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính?*

***Trả lời:** Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước số 10/2017/QH14 ban hành ngày 20/6/2017 và có hiệu lực ngày 01/7/2018 quy định nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

1. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật;

2. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật;

3. Áp dụng một trong các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính sau đây trái pháp luật:

a) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

b) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;

c) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;

4. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật;

5. Áp dụng một trong các biện pháp xử lý hành chính sau đây trái pháp luật:

a) Giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

b) Đưa vào trường giáo dưỡng;

c) Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

d) Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

6. Không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định của Luật Tố cáo các biện pháp sau đây để bảo vệ người tố cáo khi người đó yêu cầu:

a) Đình chỉ, tạm đình chỉ, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định xử lý kỷ luật hoặc quyết định khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người tố cáo; khôi phục vị trí công tác, vị trí việc làm, các khoản thu nhập và lợi ích hợp pháp khác từ việc làm cho người tố cáo tại nơi công tác;

b) Đình chỉ, tạm đình chỉ, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính, hành vi hành chính xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người tố cáo; khôi phục các quyền, lợi ích hợp pháp của người tố cáo đã bị xâm phạm tại nơi cư trú;

c) Áp dụng biện pháp ngăn chặn, xử lý hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người tố cáo theo quy định của pháp luật;

7. Thực hiện hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin về cố ý cung cấp thông tin sai lệch

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

mà không đính chính và không cung cấp lại thông tin;

8. Cấp, thu hồi, không cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép và các giấy tờ có giá trị như giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trái pháp luật;

9. Áp dụng thuế, phí, lệ phí trái pháp luật; thu thuế, phí, lệ phí trái pháp luật; truy thu thuế, hoàn thuế trái pháp luật; thu tiền sử dụng đất trái pháp luật;

10. Áp dụng thủ tục hải quan trái pháp luật;

11. Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trái pháp luật; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư trái pháp luật; cấp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trái pháp luật;

12. Ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh trái pháp luật;

13. Cấp văn bằng bảo hộ khi có căn cứ pháp luật cho rằng người nộp đơn không có quyền nộp đơn hoặc có căn cứ pháp luật cho rằng đối tượng không đáp ứng điều kiện bảo hộ; từ chối cấp văn bằng bảo hộ với lý do đối tượng không đáp ứng điều kiện bảo hộ mà không có căn cứ pháp luật; chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ mà không có căn cứ pháp luật;

14. Ra quyết định xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật đối với công chức từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống./.